

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức,
cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc giao khu vực biển nhất định trên các vùng biển Việt Nam cho tổ chức, cá nhân để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giao khu vực biển.

2. Việc giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí thực hiện theo quy định của pháp luật về dầu khí; việc khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy sản; việc giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giao khu vực biển, khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu vực biển nhất định là một phần của vùng biển Việt Nam bao gồm khối nước, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, có ranh giới xác định, được quy hoạch để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật.

2. Vùng biển 03 hải lý là vùng biển có ranh giới phía ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm theo phương vĩ tuyến một khoảng cách 03 hải lý.

3. Khu vực biển liên vùng là khu vực biển nằm giữa hai hay nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển; hoặc giữa vùng 03 hải lý và vùng ngoài 03 hải lý.

4. Khai thác, sử dụng tài nguyên biển là hoạt động lấy tài nguyên biển hoặc sử dụng tài nguyên biển để phục vụ phát triển các ngành kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

5. Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật chuyên ngành cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong khu vực biển đề nghị giao.

Điều 4. Ranh giới, diện tích khu vực biển

1. Ranh giới, diện tích khu vực biển được xác định đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở dự án đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển và quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển.

2. Khu vực biển được xác định bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có tọa độ cụ thể và được thể hiện trên nền hải đồ với tỷ lệ thích hợp do Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản.

Điều 5. Nguyên tắc giao khu vực biển

1. Bảo đảm sự quản lý tổng hợp, thống nhất, liên ngành, liên vùng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường biển; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và phát triển bền vững.

2. Bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích của tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp trong khu vực biển được giao; đảm bảo an ninh, an toàn và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

3. Bảo đảm phù hợp với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển.

4. Một khu vực biển chỉ được giao cho một tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Căn cứ giao khu vực biển

1. Nhu cầu sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân.
2. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, việc giao khu vực biển phải căn cứ vào quy hoạch ngành, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Quy luật tự nhiên, chức năng sử dụng của khu vực biển và yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

Điều 7. Thời hạn giao khu vực biển

1. Thời hạn giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân để khai thác, sử dụng tài nguyên biển được xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đơn đề nghị giao khu vực biển, dự án đầu tư hoặc phương án khai thác, sử dụng tài nguyên biển, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, thời hạn được phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thời hạn giao khu vực biển tối đa không quá 30 năm, có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 20 năm.
2. Trường hợp thời hạn giao khu vực biển quy định tại Khoản 1 Điều này đã hết, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vẫn có nhu cầu tiếp tục khai thác, sử dụng tài nguyên biển, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép tiếp tục thực hiện và việc sử dụng khu vực biển đã giao vẫn bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển thì quyết định giao khu vực biển được xem xét cấp mới theo quy định của Nghị định này.

Điều 8. Tài chính liên quan đến việc giao khu vực biển

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.
2. Tiền sử dụng khu vực biển được xác định căn cứ vào diện tích khu vực biển được phép sử dụng, thời hạn sử dụng khu vực biển, loại tài nguyên biển được phép khai thác, sử dụng.
3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

Điều 9. Những hành vi bị cấm

1. Lợi dụng việc sử dụng khu vực biển gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.
2. Thực hiện khai thác, sử dụng tài nguyên biển khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.
3. Sử dụng khu vực biển không đúng mục đích; lấn, chiếm biển; huỷ hoại môi trường biển.
4. Vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
5. Cản trở hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển; hoạt động giao thông biển, khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện trong khu vực biển được giao và các hoạt động hợp pháp khác trên biển theo quy định.
6. Cung cấp trái pháp luật thông tin về khu vực biển.
7. Cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình sử dụng khu vực biển.
8. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II GIAO, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN, TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Điều 10. Thẩm quyền giao khu vực biển

1. Thẩm quyền giao khu vực biển
 - a) Thủ tướng Chính phủ quyết định giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân để thực hiện các dự án đầu tư khai thác, sử dụng tài nguyên biển thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
 - b) Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định giao khu vực biển nằm ngoài vùng biển 03 hải lý; khu vực biển liên vùng, trừ các khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển quyết định giao khu vực biển trong phạm vi vùng biển 03 hải lý, trừ các khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường được quy định tại Điểm a và b Khoản này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền ra quyết định giao khu vực biển nào thì có quyền gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, thu hồi, cho phép trả lại khu vực biển đó.

Điều 11. Giao khu vực biển

1. Việc giao khu vực biển phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao;

b) Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển hoặc quy hoạch ngành, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

2. Việc giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải được thể hiện bằng quyết định giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục của Nghị định này).

3. Quyết định giao khu vực biển gồm các nội dung sau đây:

a) Tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển;

b) Mục đích sử dụng khu vực biển;

c) Địa điểm, ranh giới, diện tích khu vực biển; độ sâu được phép sử dụng;

d) Thời hạn được giao khu vực biển;

đ) Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển;

e) Hiệu lực thi hành.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển có các quyền sau đây:

a) Được sử dụng khu vực biển được giao để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Đề nghị gia hạn, trả lại khu vực biển, trả lại một phần diện tích khu vực biển, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;

c) Được sử dụng các thông tin, dữ liệu liên quan đến khu vực biển được giao theo quy định của pháp luật;

d) Được bồi thường, hỗ trợ khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi khu vực biển để sử dụng phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia theo quy định của pháp luật;

đ) Khiếu nại, khởi kiện quyết định giao khu vực biển, quyết định gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển; quyết định thu hồi khu vực biển;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển có các nghĩa vụ sau đây:

a) Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích quy định tại quyết định giao khu vực biển; không được chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân khác;

b) Chỉ được tiến hành hoạt động khai thác; sử dụng tài nguyên biển trong phạm vi khu vực biển được giao;

c) Thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ về tài chính liên quan đến việc sử dụng khu vực biển theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan;

d) Bảo vệ môi trường biển; báo cáo, cung cấp thông tin tình hình sử dụng khu vực biển, khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong khu vực biển được giao cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

e) Không được cản trở các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển; hoạt động giao thông biển, khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện trong khu vực biển được giao và các hoạt động hợp pháp khác trên biển theo quy định;

g) Không được tiến hành các hoạt động ảnh hưởng đến an ninh, chủ quyền quốc gia trên biển ở khu vực biển được giao;

h) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Gia hạn thời hạn giao khu vực biển

1. Việc gia hạn thời hạn giao khu vực biển được xem xét khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gia hạn;

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển đúng mục đích; thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật;

c) Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn thời hạn giao khu vực biển phải nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định này cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực ít nhất là 60 ngày.

2. Thời hạn gia hạn quyết định giao khu vực biển được xem xét đối với từng trường hợp cụ thể, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, thời hạn được phép tiếp tục khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Việc chấp thuận gia hạn được thể hiện bằng việc cấp mới quyết định giao khu vực biển.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển

1. Quyết định giao khu vực biển được sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi tổ chức, cá nhân được phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

b) Thay đổi tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

c) Thay đổi quy mô, diện tích khai thác, sử dụng tài nguyên biển dẫn đến làm thay đổi diện tích khu vực biển được giao.

2. Việc sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển chỉ được xem xét khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển đã nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định này cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều 12 Nghị định này;

c) Quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực.

3. Việc chấp thuận sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển đã cấp được thể hiện bằng việc cấp mới quyết định giao khu vực biển. Thời hạn giao khu vực biển là thời hạn còn lại của quyết định giao trước đó.

Điều 15. Trả lại khu vực biển

1. Tổ chức, cá nhân được trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển được giao khi không có nhu cầu tiếp tục sử dụng.

2. Việc trả lại khu vực biển được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển chấp thuận theo quy định sau đây:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại toàn bộ khu vực biển, việc chấp thuận trả lại được thể hiện bằng quyết định cho phép trả lại khu vực biển (được lập theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục của Nghị định này);

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại một phần khu vực biển, việc chấp thuận trả lại được thể hiện bằng việc cấp mới quyết định giao khu vực biển đối với phần khu vực biển còn lại.

Điều 16. Hồ sơ đề nghị giao, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển

1. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển gồm:

a) Đơn đề nghị giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục của Nghị định này);

b) Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong khu vực biển đề nghị giao của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Bản đồ khu vực biển đề nghị giao (được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Nghị định này).

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn quyết định giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục của Nghị định này);

b) Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

c) Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gia hạn;

d) Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định này tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

3. Hồ sơ trả lại khu vực biển gồm:

a) Đơn đề nghị trả lại khu vực biển (được lập theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Nghị định này);

b) Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

c) Bản đồ khu vực biển thể hiện khu vực biển tiếp tục sử dụng trong trường hợp trả lại một phần khu vực biển (được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Nghị định này);

d) Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định này tính đến thời điểm trả lại.

4. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục của Nghị định này);

b) Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

c) Các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định này đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thể hiện trong giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

d) Bản đồ khu vực biển trong trường hợp có sự thay đổi về ranh giới khu vực biển (được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Nghị định này);

đ) Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định này tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung.

Điều 17. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, trả lại khu vực biển

1. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, trả lại khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, trả lại khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển.

Điều 18. Hình thức tiếp nhận, trả kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị giao, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, trả lại khu vực biển

1. Hồ sơ đề nghị giao, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, trả lại khu vực biển được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại Điều 17 Nghị định này.

2. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Điều 19. Nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị giao, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, trả lại khu vực biển

1. Tính đầy đủ về hình thức và nội dung của hồ sơ.

2. Sự phù hợp của khu vực biển đề nghị giao với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển; tính tương thích của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển dự kiến thực hiện với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển.

3. Những mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển dự kiến thực hiện với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển đang được phép tiến hành trong khu vực biển đề nghị giao (nếu có).

4. Tính phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao.

Điều 20. Trình tự thực hiện thủ tục giao, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, trả lại khu vực biển

1. Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển, gia hạn quyết định giao khu vực biển, đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển nộp 02 bộ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện, ngày nhận hồ sơ là ngày bưu điện chuyển cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết (được lập theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục của Nghị định này). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề bổ sung, hoàn thiện.

2. Việc thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:

Trong thời hạn không quá 45 ngày đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển; không quá 30 ngày đối với hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định giao khu vực biển, trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển; không quá 20 ngày đối với hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại Điều 19 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản.

Trường hợp cần thiết, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

b) Xác định các nghĩa vụ tài chính mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

3. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển xem xét, ra quyết định giao, gia hạn, cho phép trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Chương III **THU HỒI KHU VỰC BIỂN, CHẤM DỨT HIỆU LỰC** **QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN**

Điều 21. Thu hồi khu vực biển

1. Khu vực biển bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển lợi dụng việc sử dụng khu vực biển gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia;

b) Khu vực biển đã giao được sử dụng để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển trái quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển bị thu hồi hoặc sau 12 tháng, kể từ ngày được giao khu vực biển mà tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển không triển khai hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

2. Việc thu hồi khu vực biển theo quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 1 Điều này được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vi phạm một trong các quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 1 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm tra, xác minh thực địa khi cần thiết và trình cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định việc thu hồi khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển xem xét, quyết định việc thu hồi;

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền ra quyết định thu hồi, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi khu vực biển cho tổ chức, cá nhân và thông báo việc thu hồi khu vực biển đến các cơ quan có liên quan.

3. Việc thu hồi khu vực biển theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định sử dụng khu vực biển đã giao để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm lập tờ trình trình cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển ra quyết định thu hồi khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển ra quyết định thu hồi khu vực biển;

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền ra quyết định thu hồi khu vực biển, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi cho tổ chức, cá nhân và thông báo việc thu hồi đến các cơ quan có liên quan.

4. Việc thu hồi khu vực biển được thể hiện bằng quyết định (được lập theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục của Nghị định này).

5. Trường hợp khu vực biển bị thu hồi theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển được hỗ trợ, bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Chấm dứt hiệu lực quyết định giao khu vực biển

1. Quyết định giao khu vực biển chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Khu vực biển bị thu hồi;

b) Quyết định giao khu vực biển hết hạn;

c) Khu vực biển được cho phép trả lại;

d) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.

2. Khi quyết định giao khu vực biển bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển có trách nhiệm xử lý các công trình, thiết bị khai thác, sử dụng tài nguyên biển và cải tạo, phục hồi môi trường trong khu vực biển được giao theo quy định của pháp luật chuyên ngành và báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển để kiểm tra kết quả thực hiện.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC GIAO, GIA HẠN, THU HỒI, CHO PHÉP TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Giúp Chính phủ thực hiện quản lý tổng hợp, thống nhất việc giao các khu vực biển để khai thác sử dụng tài nguyên biển.

2. Thực hiện việc giao, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo đúng quy định tại Nghị định này; phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các cơ quan khác có liên quan trong quá trình thực hiện.

3. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, dữ liệu về giao, sử dụng khu vực biển trên phạm vi cả nước.

4. Thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về giao, sử dụng khu vực biển trên phạm vi cả nước; giải quyết các tranh chấp về sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

5. Tổng hợp, đánh giá tình hình giao, sử dụng khu vực biển trong phạm vi cả nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ 6 tháng và hàng năm.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển

1. Thực hiện việc giao, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo đúng quy định tại Nghị định này; phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các cơ quan khác có liên quan trong quá trình thực hiện.

2. Quản lý việc sử dụng các khu vực biển để khai thác sử dụng tài nguyên biển; xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, dữ liệu về giao, sử dụng khu vực biển trên địa bàn địa phương.

3. Tổng hợp, đánh giá tình hình giao, sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường định kỳ 6 tháng và hàng năm.

4. Thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển trên địa bàn địa phương; giải quyết các tranh chấp về sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao trên địa bàn địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép đầu tư, khai thác, sử dụng tài nguyên biển khi cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển có trách nhiệm lấy ý kiến và thông nhất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển về tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển nơi dự kiến khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cung cấp hải đồ quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định này cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển để phục vụ công tác giao khu vực biển và quản lý việc sử dụng khu vực biển của các tổ chức, cá nhân.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Xử lý chuyển tiếp

1. Khu vực biển đang được tổ chức, cá nhân sử dụng để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển thì được tiếp tục sử dụng khu vực biển đó đến hết thời hạn giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển quy định tại Khoản 1 Điều này phải gửi báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển kèm theo bản đồ khu vực biển đang sử dụng cho cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển xem xét, công nhận. Việc công nhận được thể hiện bằng quyết định giao khu vực biển.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014.

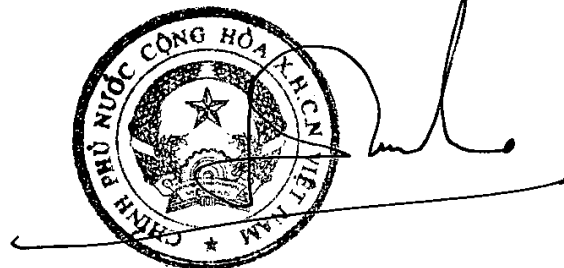
2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b). M **240**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

**MẪU CÁC VĂN BẢN TRONG HỒ SƠ GIAO, GIA HẠN, THU HỒI,
TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 51/2014/NĐ-CP
ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ)*

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển.
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn quyết định giao khu vực biển.
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại khu vực biển (hoặc trả lại một phần khu vực biển).
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển.
Mẫu số 05	Tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao, trả lại hoặc tiếp tục sử dụng.
Mẫu số 06	Bản đồ khu vực biển đề nghị giao, trả lại hoặc tiếp tục sử dụng.
Mẫu số 07	Quyết định về việc giao khu vực biển.
Mẫu số 08	Tọa độ các điểm góc của khu vực biển giao cho tổ chức, cá nhân.
Mẫu số 09	Bản đồ khu vực biển giao cho tổ chức, cá nhân.
Mẫu số 10	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển.
Mẫu số 11	Quyết định về việc thu hồi khu vực biển.
Mẫu số 12	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (giao, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển).

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: (Thủ tướng Chính phủ/Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư).....(nếu có).

Đề nghị được giao khu vực biển tại xã, huyện....., tỉnh.....

Mục đích sử dụng: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển)

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng là: ... (ha, Km²), độ sâu đề nghị được sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ thể hiện trong Phụ lục kèm theo (Mẫu số 05) và được thể hiện trên Bản đồ khu vực biển theo (Mẫu số 06).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển (tháng/năm).

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: (Thủ tướng Chính phủ/Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax.....

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã....., huyện....., tỉnh.....
theo Quyết định giao khu vực biển số..... ngày tháng năm của
(Thủ tướng Chính phủ/Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Đề nghị được gia hạn Quyết định khu vực biển, thời gian gia hạn
(tháng/năm).

Mục đích sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài
nguyên biển)

Khu vực biển có diện tích là: ... (ha, Km²), độ sâu đề nghị được sử dụng
là: ...(m), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ thể hiện trong Phụ lục
kèm theo (Mẫu số 05) và được thể hiện trên Bản đồ khu vực biển theo (Mẫu
số 06).

Lý do đề nghị gia hạn.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp
luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN
(HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN KHU VỰC BIỂN)

Kính gửi: (Thủ tướng Chính phủ/Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị được trả lại khu vực biển (hoặc một phần diện tích khu vực biển) theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng ... năm ... của (Thủ tướng Chính phủ/Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...) về việc giao quyền sử dụng khu vực biển tại khu vực... thuộc xã....., huyện....., tỉnh....

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực biển cần nêu rõ các nội dung sau:

- Phần khu vực biển đề nghị trả lại có diện tích là: ... (ha, Km²), độ sâu được phép sử dụng là: ...(m)

- Phần khu vực biển tiếp tục sử dụng có diện tích là: ... (ha, Km²), độ sâu đề nghị sử dụng là: ...(m)

Phần khu vực biển đề nghị trả lại và phần khu vực biển đề nghị tiếp tục sử dụng được giới hạn bởi các điểm góc... có tọa độ thể hiện trong Phụ lục kèm theo (Mẫu số 05) và được thể hiện trên Bản đồ khu vực biển theo (Mẫu số 06).

Lý do đề nghị trả lại.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: (Thủ tướng Chính phủ/Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax.....

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số....., ngày..... tháng năm của (Thủ tướng Chính phủ/Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...) về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã....., huyện....., tỉnh.....

Lý do xin đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển:.....

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC CỦA KHU VỰC BIÊN
ĐỀ NGHỊ GIAO, TRẢ LẠI HOẶC TIẾP TỤC SỬ DỤNG**

Đề (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển...)

Địa điểm: Tại khu vực, xã....., huyện....., tỉnh.....

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	X	Y
	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(m)	(m)
1				
2				
...				
n				

(Ghi chú: Việc xác định giá trị Vĩ độ, Kinh độ chỉ tính đến 1/10 của giây;
Việc xác định giá trị tọa độ vuông góc chỉ tính đến đơn vị mét)

- Diện tích của khu vực biên:(ha, Km²).
- Độ sâu đề nghị được sử dụng là: (m).

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...)**

**BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN
ĐỀ NGHỊ GIAO, TRẢ LẠI HOẶC TIẾP TỤC SỬ DỤNG**

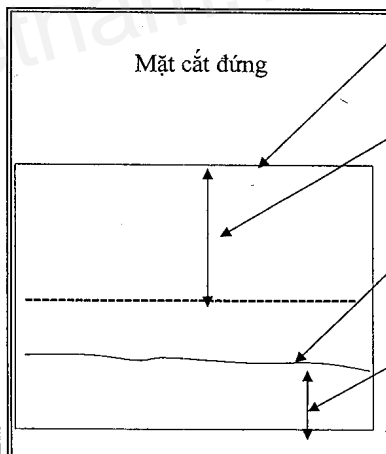
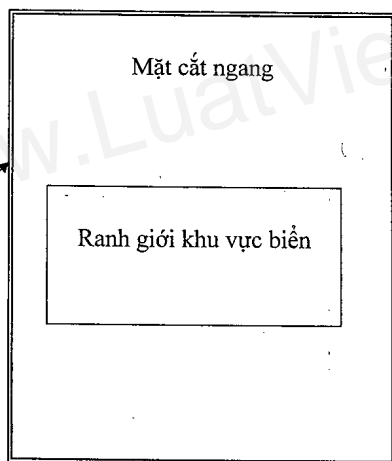
CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm góc

Điểm góc	Hệ VN 2000			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ	Kinh độ	X(m)	Y(m)
1				
2				
...				
n				

Đề (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển...) tại khu vực biển....., xã....., huyện....., tỉnh.....

Khung tọa độ



- Mặt biển
- Độ sâu khu vực biển
- Đáy biển
- Độ sâu lòng đất dưới đáy biển

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển tối thiểu phải thể hiện các thông tin cơ bản sau:
 - Ranh giới, diện tích khu vực biển; độ sâu khu vực biển đề nghị sử dụng.
 - Vị trí, hình dáng các công trình, thiết bị;

Tỷ lệ:.....

“Được trích lục từ tờ hải đồ tỷ lệ .., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu...”

Tên đơn vị tư vấn lập bản đồ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm.....

Số: /QĐ-(TTg, BTNMT,UBND)

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....)**

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Nghị định số/2013/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2013 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ Quyết định hoặc Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền số ngày..... tháng..... năm..... về việc.....;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị giao quyền sử dụng khu vực biển ngày tháng ... năm của (tên tổ chức, cá nhân) nộp tại Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh);

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho (tên tổ chức, cá nhân)

Mục đích sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).

Địa điểm khu vực biển: xã/phường quận/huyện tỉnh/thành phố

Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích là: ... (ha, Km²), độ sâu được phép sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trong Phụ lục kèm theo (Mẫu số 08) và được thể hiện trên Bản đồ khu vực biển theo (Mẫu số 09).

Thời hạn sử dụng khu vực biển (tháng, năm), kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Tiền sử dụng khu vực biển:.....

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp tiền sử dụng khu vực biển.
2. Tiến hành sử dụng khu vực biển theo đúng tọa độ, phạm vi ranh giới.
3. Sử dụng khu vực biển đúng mục đích quy định tại Điều 1 của Quyết định này.
4. Trước khi tiến hành sử dụng khu vực biển phải báo cáo (Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh...) kiểm tra thực địa tại khu vực biển được sử dụng.
5. Báo cáo, cung cấp thông tin tình hình sử dụng khu vực biển cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường biển, phục hồi, cải thiện môi trường biển khi thời hạn sử dụng khu vực biển hết hiệu lực.
7. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện trong khu vực biển được giao và các hoạt động hợp pháp khác trên biển theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh...(Bộ TNMT);
- Tổng cục B&HĐVN;
- Sở TN&MT tỉnh...;
- Cục QLKT;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

**THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...)

Mẫu số 08

**TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC CỦA KHU VỰC BIÊN
GIAO CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Để (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển...)

Tại khu vực, xã....., huyện....., tỉnh.....

(Ban hành kèm theo Quyết định giao khu vực biển

số...QĐ-(TTg,BTNMT,UBND) ngày.... tháng ... năm ...

của Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường/
UBND tỉnh...)

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	X	Y
	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(m)	(m)
1				
2				
...				
n				

(Ghi chú: Việc xác định giá trị Vĩ độ, Kinh độ chỉ tính đến 1/10 của giây;
Việc xác định giá trị tọa độ vuông góc chỉ tính đến đơn vị mét)

- Diện tích của khu vực biển:(ha, Km²).

- Độ sâu được phép sử dụng là: (m).

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...)**

Tọa độ các điểm góc

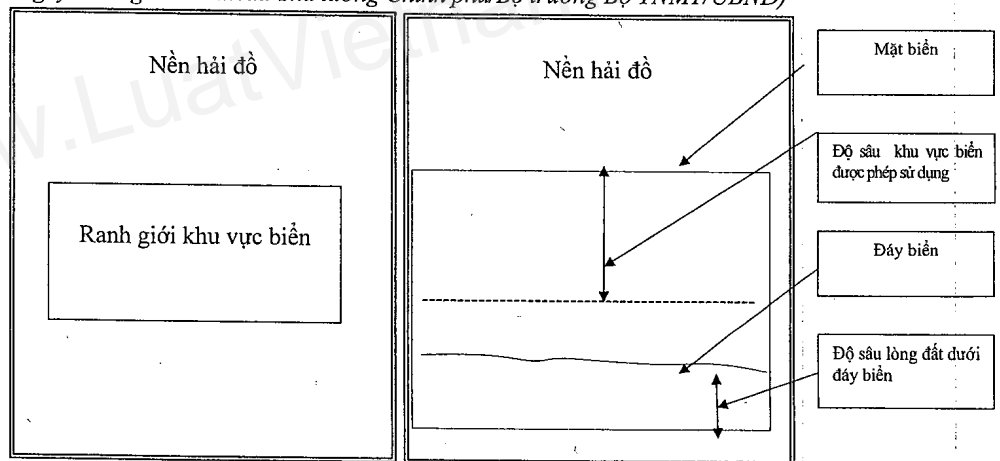
Điểm góc	Hệ VN 2000			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ	Kinh độ	X(m)	Y(m)
1				
2				
...				
n				

Khung tọa độ

**BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN
GIAO CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Đề (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển...) tại khu vực biển....., xã....., huyện....., tỉnh.....
(Ban hành kèm theo Quyết định giao khu vực biển số...../QĐ-(TTg,BTNMT,UBND) ngày...tháng...năm...của Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ TNMT/UBND)

CHỈ DẪN



"Được trích lục từ... hải đồ tỷ lệ...,

kinh tuyến trực..., múi chiếu..., số hiệu..."

Tỷ lệ:.....

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...)**

Số: /QĐ-(TTg/BTNMT/UBND)

Mẫu số 10
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại khu vực biển

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....)**

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số/2013/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2013 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (Tên tổ chức, cá nhân)

.....;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...).

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở Tài nguyên và Môi trường) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh...(Bộ TN&MT);
- Tổng cục B&HĐVN;
- Sở TN&MT tỉnh...;
- Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

**THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)**

www.LuatVietnam.vn

Mẫu số 11

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm

Số: /QĐ-(TTg, BTNMT,UBND)

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi khu vực biển

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....)**

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số/2013/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2013 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm);

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân (tên tổ chức, cá nhân) theo Quyết định giao khu vực biển số, ngày.... tháng ... năm ... của (Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh...).

Điều 2. Lý do thu hồi:

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở Tài nguyên và Môi trường) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh...(Bộ TN&MT);
- Tổng cục B&HĐVN;
- Sở TN&MT tỉnh...;
- Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

**THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)**

www.LuatVietnam.vn

